

Họ và tên: .....

Thứ .....ngày .... tháng.... năm 20....

Lớp: 1A.....

## ÔN TRẠNG NGUYÊN TIẾNG VIỆT-SỐ 1

**Bài 1.** Hãy ghép từng ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để tạo thành từ thích hợp.

|     |
|-----|
| xe  |
| kẻ  |
| chả |
| hổ  |
| củ  |
| hà  |
| thỏ |
| hồ  |
| chú |
| rủ  |

|      |
|------|
| nghe |
| mã   |
| thẻ  |
| thồ  |
| vỏ   |
| cá   |
| sơ   |
| rẻ   |
| rê   |
| dữ   |

**Bài 2.** Điền âm hoặc tiếng còn thiếu vào ô trống cho thích hợp.

v      ó      ...      è

b      ...      l      á

b      é      ...      ẽ      c      ô

c      á      ở      ...      ồ

b      ố      b      ế      ...      é

bé      hà      có      .....      lô

bà      cho      bé      .....      cò

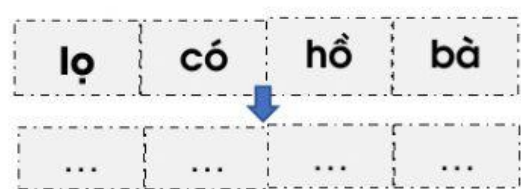
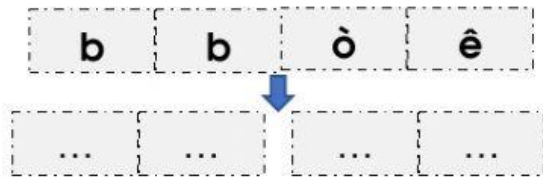
**Bài 3.** Hãy sắp xếp lại trật tự các chữ trong các ô trống để được từ và câu đúng.

b      v      i      e

...      ...      ...      ...

b      l      ô      a

...      ...      ...      ...



**Bài 4.** Hãy tìm chữ thích hợp điền vào chỗ chấm dưới đây

**a.** Bé có rổ .....ế.

**d.** Bà có củ .....ả.

**b.** Bố .....o bé củ từ.

**e.** Bố là thợ .....ẻ

**c.** thỏ và .....ư tử

**f.** Nhà bé có ti v.....

**g.** Bé thi vẽ ở .....ủ đồ.

**g.** Bố cho bé về .....ê.

**Bài 5: Điền u hay ư?**

cá th.....

đ..... đủ

tha th .....

lá th.....

c..... tạ

c..... từ

**Bài 6:** Điền vào chỗ chấm **th** hay **t**?

.....ủ thi

.....ủ chè

.....ổ cò

thỏ .....ẻ

quả .....ị

.....ú vị

.....u hú

sư .....ử

**Bài 7:** Điền **x** hay **s** vào chỗ chấm?

kĩ .....ư

.....ố đo

xổ .....ố

vỏ .....ò

.....e ô tô

chó .....ù

.....e bò

cây .....i